



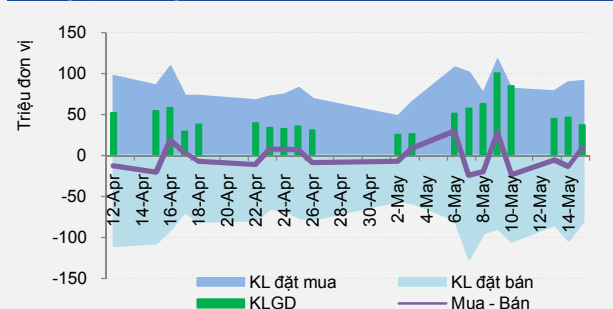
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 15/5/2013

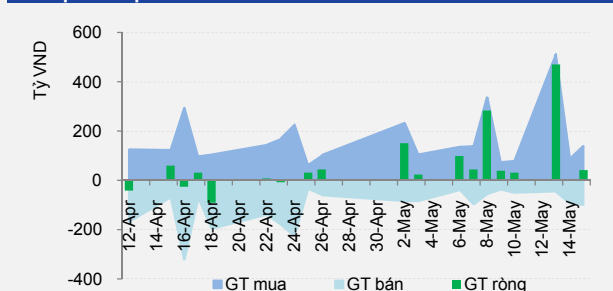
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	486.0	60.5
% Thay đổi	↑ 0.4%	↑ 1.0%
KLGD (CP)	37,545,485	23,981,045
GTGD (tỷ đồng)	661.41	184.85
Tổng cung (CP)	80,866,860	53,720,600
Tổng cầu (CP)	90,875,610	55,751,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,593,528	252,900
KL mua (CP)	4,078,958	352,200
GTmua (tỷ đồng)	140.01	5.10
GT bán (tỷ đồng)	97.73	2.28
GT ròng (tỷ đồng)	42.28	2.81

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.98%	7.4	1.4	2.0%
Công nghiệp	↑ 0.66%	18.1	0.9	14.3%
Dầu khí	↑ 0.82%	5.9	1.0	4.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.51%	8.2	1.4	1.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.12%	7.3	2.3	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.41%	12.6	5.0	18.9%
Ngân hàng	↑ 1.35%	5.9	1.4	7.8%
Nguyên vật liệu	↑ 1.58%	8.9	2.0	11.3%
Tài chính	↑ 0.14%	24.4	2.6	29.0%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 1.03%	8.3	2.9	10.8%
VN - Index	↑ 0.44%	13.0	2.9	78.6%
HNX - Index	↑ 1.02%	17.1	1.4	21.4%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Thị trường tăng điểm mạnh vào đầu tuần trước trên cả hai sàn HSX và HNX là tín hiệu tích cực đầu tiên cho thị trường. Tuy nhiên sau tín hiệu tích cực này thị trường không nối tiếp được đà tăng mà đi ngang với biên độ hẹp trong năm phiên liên tiếp thì động lực tăng điểm được tạo ra trong phiên đầu tuần trước đã giảm đi nhiều. Phiên giao dịch ngày hôm nay mặc dù thị trường tăng điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch giảm cho thấy lực cầu giảm khi thị trường tăng điểm. Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm khả năng thị trường hình thành xu hướng tăng tại thời điểm hiện tại là thấp.

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 485.97 điểm, tăng 2.12 điểm tương ứng với mức 0.44% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 35.89 triệu đơn vị, giảm 17.96% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 60.5 điểm, tăng 0.61 điểm tương ứng với mức 1.02% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 22.18 triệu đơn vị, giảm 29.04% so với phiên trước.

- NHNN đã chính thức ký ban hành thông tư hướng dẫn cho vay mua nhà ở xã hội theo Nghị quyết 02/NQ-CP với Bộ Xây dựng và 5 NHTM gồm BIDV, Vietcombank, VietinBank, Agribank, MHB. Những nội dung thay đổi so với dự thảo trước đó bao gồm: 1/ 70% khoản vay dành cho cá nhân; 30% dành cho doanh nghiệp, thời hạn vay tối đa là 10 năm đối với cá nhân, 5 năm đối với doanh nghiệp; 2/ lãi suất vay vốn được cố định là 6% trong năm 2013, trong thời gian còn lại của khoản vay (không quá 01/06/2023), lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay bình quân của các Ngân hàng trên thị trường nhưng không quá 6%; 3/ thêm hình thức mua nhà thu nhập thấp trong diện được vay vốn; 4/ Gói hỗ trợ lãi suất thực hiện cho vay đối với hợp đồng mua, thuê, thuê mua của cá nhân, chi phí chưa thanh toán của doanh nghiệp, phát sinh kể từ 7/1/2013, khi Nghị quyết 02 của Chính phủ có hiệu lực.

- Thông tư có hiệu lực thi hành từ 1/6/2013, thời gian giải ngân tối đa 36 tháng. Như vậy những đề xuất của Bộ Xây dựng đều được cụ thể hóa trong Thông tư hướng dẫn, và là thông tin tích cực đối với mảng kinh doanh nhà ở xã hội, nhà ở thương mại giá thấp. Chính phủ cũng trình Quốc hội bổ sung thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua vào diện áp dụng thuế suất ưu đãi 10% (từ mức 22% hiện nay).

- Các thành viên Quốc hội đều quan ngại về thực trạng nền kinh tế chậm cải thiện. Ngoài các giải pháp về giảm lãi suất, thuế, phí và các chính sách hỗ trợ thị trường BĐS, các đại biểu cho rằng giảm pháp về chính sách tiền tệ là vấn đề quan trọng, trong bối cảnh cân đối NSNN khó khăn làm giảm hiệu quả của chính sách tài khóa.

- Cụ thể, theo Báo cáo bổ sung của Chính phủ, tổng thu cân đối NSNN năm 2012 đạt 743,190 tỷ đồng, tăng 2,690 tỷ đồng so với dự toán nhờ thu từ dầu thô và viện trợ không hoàn lại. Thu từ dầu thô năm 2012 tăng 53,107 tỷ đồng so với dự toán, ngoài khoản tăng về giá và sản lượng dầu thô, nguồn thu 9,800 tỷ đồng lãi nước chủ nhà năm 2012, thu NSNN năm 2012 còn có khoản 10,000 tỷ đồng lãi dầu khí được chia cho nước chủ nhà từ năm 2006-2011 theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nếu không có số thu thêm từ lãi dầu khí nước chủ nhà từ các năm trước thì NSNN năm 2012 sẽ hụt thu 7,310 tỷ đồng, ảnh hưởng đến nhiệm vụ chi. Điều này khiến việc cân đối thu chi NSNN năm 2013 là nhiệm vụ vô cùng khó khăn khi 1/ các giải pháp về thuế giảm/chậm thu NSNN khoảng 43,000 tỷ đồng; 2/ giá dầu khí theo xu hướng giảm, không còn nguồn thu đột biến 10,000 tỷ đồng năm 2012; và 3/ thực trạng nền kinh tế chậm cải thiện.

- Hôm nay, 15/5 là ngày cuối cùng trong chuyến thăm 3 ngày của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đến Nga, theo lời mời của người đồng nhiệm Dmitry Medvedev. Trước đó, trong buổi tiếp xúc cử tri Hải Phòng ngày Thứ bảy, 11/5, Thủ tướng đã tuyên bố sẽ ký quyết định thành lập Công ty xử lý nợ quốc gia VAMC ngay khi trở về. Như vậy dự kiến VAMC có thể sẽ được ký ban hành sau khi Thủ tướng kết thúc chuyến công du tới Nga, tức là vào cuối tuần này.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Sideway	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Sideway	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 485.97 điểm, tăng 2.12 điểm tương ứng với mức 0.44% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây. Nhưng sau đó chỉ số VN-Index đã không kiểm định thành công mức này và giảm điểm trở lại về dưới mức 498-500.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm mạnh vào đầu tuần trước là tín hiệu tích cực đầu tiên cho chỉ số VN-Index. Tuy nhiên sau tín hiệu tích cực này chỉ số VN-Index không nổi tiếp được đà tăng mà đi ngang với biên độ hẹp trong năm phiên liên tiếp thì động lực tăng điểm được tạo ra trong phiên đầu tuần trước đã giảm đi nhiều. Phiên giao dịch ngày hôm nay mặc dù chỉ số VN-Index tăng điểm tuy nhiên khối lượng giao dịch giảm cho thấy lực cầu giảm khi chỉ số VN-Index tăng điểm. Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm khả năng chỉ số VN-Index hình thành xu hướng tăng tại thời điểm hiện tại là thấp.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 60.5 điểm, tăng 0.61 điểm tương ứng với mức 1.02% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm mạnh so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm mạnh từ giữa tháng 2. Khi chỉ số HNX-Index tiếp cận với khu vực 59 điểm đã phục hồi nhẹ trở lại và hình thành khu vực sideway với biên độ hẹp từ đầu tháng Ba đến giữa tháng Bốn.

- MA200 hướng xuống cho thấy xu hướng dài hạn của HNX-Index vẫn đang giảm điểm

- MA20 cắt xuống MA50 trong giữa tháng 3 là tín hiệu cho thấy xu hướng trung hạn của chỉ số HNX-Index chuyển sang giảm điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm mạnh vào đầu tuần trước là tín hiệu tích cực đầu tiên cho chỉ số HNX-Index. Tuy nhiên sau tín hiệu tích cực này chỉ số HNX-Index không nổi tiếp được đà tăng mà đi ngang với biên độ hẹp trong năm phiên liên tiếp thì động lực tăng điểm được tạo ra trong phiên đầu tuần trước đã giảm đi nhiều. Phiên giao dịch ngày hôm nay mặc dù chỉ số HNX-Index tăng điểm tuy nhiên khối lượng giao dịch giảm cho thấy lực cầu giảm khi chỉ số HNX-Index tăng điểm. Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm khả năng chỉ số HNX-Index hình thành xu hướng tăng tại thời điểm hiện tại là thấp.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường tăng nhẹ trên hai sàn với thanh khoản thấp. Số lượng cổ phiếu tăng điểm chiếm đa số, tuy nhiên diễn biến thị trường vẫn cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư.

Hiện đang là mùa công bố KQKD Quý 1/2013. Tính đến ngày 9/5, đã có 422 doanh nghiệp công bố KQKD, với 84% doanh nghiệp báo lãi. Tổng lợi nhuận tại những doanh nghiệp báo lãi quý 1 tăng 38% so cùng kỳ, trong đó nổi bật là ngành Điện, nước và xăng dầu khí đốt có mức tăng hơn gấp đôi, điển hình là PPC.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ có tăng trưởng lợi nhuận Q1.2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận Q1.2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có KQKD Q1 hoàn thành kế hoạch năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Giá	LN Kế hoạch	LN Q1/2012	LN Q1/2013	Tăng trưởng LN	% Kế hoạch	EPS	P/E	P/B	ROA	ROE
1	TV2	15		0.00	1.71	35114%	-	4,011.64	3.99	0.84	5.57%	22.79%
2	SDE	5		0.03	0.94	3392%	-	1,822.30	3.62	0.45	4.19%	13.06%
3	NKG	7		1.19	25.27	2025%	-	387.57	17.55	0.61	0.65%	3.03%
4	RIC	6		0.21	4.03	1863%	-	125.42	49.43	0.42	0.69%	0.85%
5	VIP	7	118.51	6.03	112.09	1759%	95%	2,694.19	2.71	0.44	7.94%	17.88%
6	HTL	6	5.05	(0.03)	0.53	1653%	11%	487.32	12.52	0.55	2.78%	4.51%
7	PSI	4		0.19	3.26	1651%	-	65.00	56.92	0.37	0.36%	0.66%
8	PDC	3	6.81	0.08	1.36	1539%	20%	443.99	7.43	0.39	3.59%	5.30%
9	WSS	4	2.29	0.09	1.36	1380%	59%	(3.22)	(1,212.34)	0.38	-0.03%	-0.03%
10	IDJ	3		0.54	5.79	964%	-	171.45	18.66	0.32	1.50%	1.72%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q1.2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Giá	LN Kế hoạch	LN Q1/2012	LN Q1/2013	Tăng trưởng LN	% Kế hoạch	EPS	P/E	P/B	ROA	ROE
1	GAS	55	7,693	2,307	4,292	86%	56%	5,175.38	10.53	3.80	21.6%	38.71%
2	VNM	124	6,230.00	1,270	1,531	20%	25%	7,293.67	17.00	6.13	32.2%	40.37%
3	PPC	22	335.40	132.72	944	611%	281%	4,489.11	4.90	1.41	12.0%	34.97%
4	HPG	29	1,200.00	195.29	457	134%	38%	3,004.68	9.65	1.35	6.8%	14.86%
5	FPT	38		340.63	358	5%	-	5,714.29	6.61	1.59	10.9%	24.98%
6	PVS	14	790.00	234.36	262	12%	33%	3,211.46	4.33	0.66	5.0%	18.40%
7	LAS	38		129.15	149	15%	-	6,327.98	5.94	1.81	17.1%	34.58%
8	DHG	81	427.50	102.20	116	14%	27%	7,753.03	10.38	2.92	21.4%	30.47%
9	VIP	7	118.51	6.03	112	1759%	95%	2,694.19	2.71	0.44	7.9%	17.88%
10	REE	21	650.00	255.63	110	-57%	17%	2,126.95	9.50	1.26	8.7%	12.87%

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Giá	LN Kế hoạch	LN Q1/2012	LN Q1/2013	Tăng trưởng LN	% Kế hoạch	EPS	P/E	P/B	ROA	ROE
1	PPC	22	335.40	132.72	944.01	611%	281%	4,489.11	4.90	1.41	12.0%	34.97%
2	BSI	3	2.27	28.00	2.41	-91%	106%	(49.51)	(64.64)	0.41	-0.33%	-0.62%
3	SEC	19	31.19	26.97	32.04	19%	103%	4,009.81	4.86	1.34	10.9%	27.83%
4	MKV	8	0.51	0.18	0.50	180%	98%	324.35	26.21	0.91	1.82%	2.83%
5	VIP	7	118.51	6.03	112.09	1759%	95%	2,694.19	2.71	0.44	7.94%	17.88%
6	VST	2	(49.64)	(20.76)	(42.70)	-106%	86%	(2,118.2)	(1.18)	0.28	-3.98%	-21.15%
7	HT1	5	0.80	-	0.67	0%	84%	9.67	517.14	0.52	0.01%	0.10%
8	VNG	5	1.41	1.44	1.03	-28%	73%	201.30	29.81	0.55	1.28%	1.85%
9	VIS	11	30.32	9.33	21.20	127%	70%	(127.96)	(85.96)	0.80	-0.23%	-0.87%
10	SMC	15	70.00	13.29	45.12	239%	64%	3,069.99	5.21	0.78	3.85%	15.61%

Ghi chú:

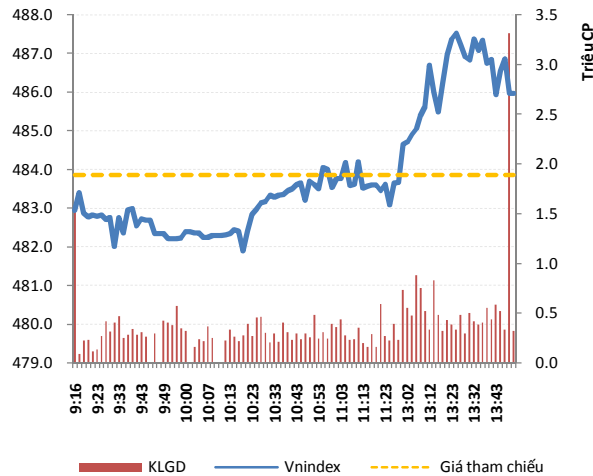
EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

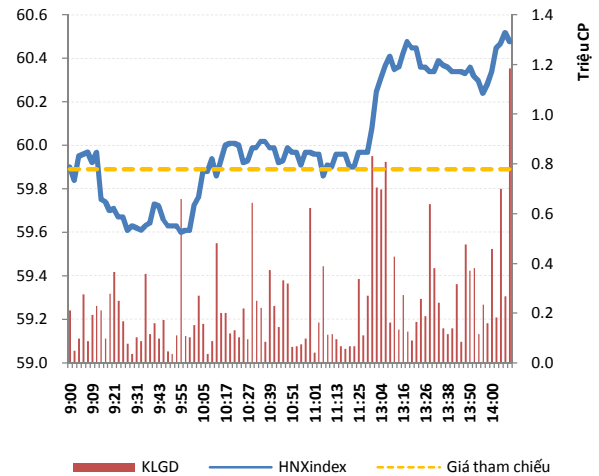
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 15/05/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

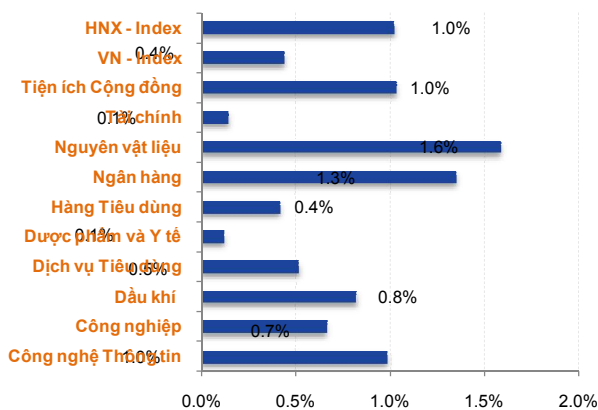
KLGD và VN-Index trong phiên



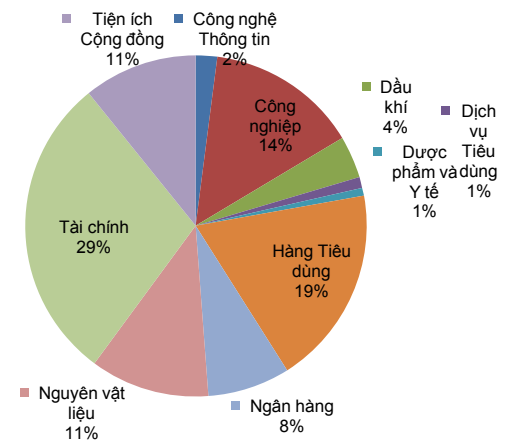
KLGD và HNX-Index trong phiên



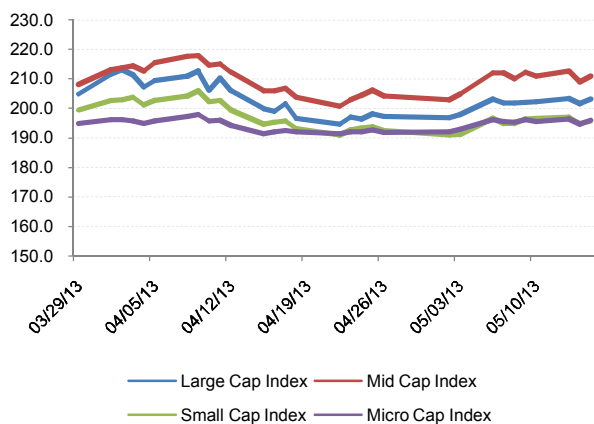
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



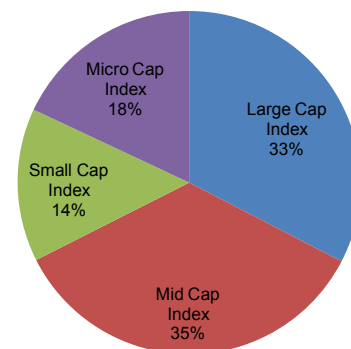
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CSM	632,090	VIC	309,110
2	DRC	307,810	EIB	195,000
3	DPM	218,160	TNC	91,000
4	VCB	189,110	KHP	60,500
5	CTG	188,100	STB	59,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVC	183,500	SHB	139,000
2	HDO	40,600	DID	17,000
3	PGS	40,100	HHL	15,000
4	PVS	14,800	DBC	13,600
5	HMH	8,200	PVA	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.7	6.7	→ 0.00%	2,273,740
HAG	21.4	21.2	↓ -0.93%	2,256,800
KBC	8.4	8.1	↓ -3.57%	1,689,440
CSM	31.7	32.9	↑ 3.79%	1,606,570
HQC	5.7	5.8	↑ 1.75%	1,574,320

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	7.6	7.6	→ 0.00%	4,601,929
SHB	6.8	6.8	→ 0.00%	3,805,974
PVX	5.2	5.3	↑ 1.92%	2,707,002
APG	2.9	2.9	→ 0.00%	1,215,000
VCG	10.8	11.2	↑ 3.70%	1,185,570

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLF	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
SJD	15.9	17.0	1.1	↑ 6.92%
NLG	17.5	18.7	1.2	↑ 6.86%
HAI	20.5	21.9	1.4	↑ 6.83%
ATA	4.5	4.8	0.3	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
THV	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
SDJ	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
VCH	0.9	1.0	0.1	↑ 11.11%
GGG	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAR	33.0	30.7	-2.3	↓ -6.97%
AGD	65.0	60.5	-4.5	↓ -6.92%
DTT	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
TCO	12.1	11.3	-0.8	↓ -6.61%
PDR	10.6	9.9	-0.7	↓ -6.60%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
V21	9.0	8.1	-0.9	↓ -10.00%
VNC	14.3	12.9	-1.4	↓ -9.79%
DHI	6.5	5.9	-0.6	↓ -9.23%
MMC	3.3	3.0	-0.3	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	2,273,740	0.6%	70	95.2	0.5
HAG	2,256,800	3.7%	637	33.3	1.2
KBC	1,689,440	-12.5%	(1,768)	-	0.6
CSM	1,606,570	31.3%	5,084	6.5	1.9
HQC	1,574,320	3.1%	581	10.0	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	4,601,929	4.0%	622	12.2	0.5
SHB	3,805,974	22.0%	2,761	2.5	0.6
PVX	2,707,002	-47.8%	(3,714)	-	0.7
APG	1,215,000	0.7%	51	56.6	0.4
VCG	1,185,570	2.0%	291	38.5	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLF	↑ 6.9%	-3.5%	(494)	(15.6)	0.6
SJD	↑ 6.9%	24.8%	4,305	3.9	0.9
NLG	↑ 6.9%	2.0%	259	72.2	1.4
HAI	↑ 6.8%	10.4%	2,333	9.4	1.1
ATA	↑ 6.7%	3.1%	406	11.8	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PSG	↑ 14.3%	-176.9%	(7,179)	(0.1)	1.7
THV	↑ 14.3%	-215.7%	(6,803)	(0.1)	(3.3)
SDJ	↑ 12.5%	-175.5%	(11,817)	(0.1)	1.1
VCH	↑ 11.1%	516.8%	(8,845)	(0.1)	(0.2)
GGG	↑ 10.0%	-195.7%	(2,050)	(0.5)	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CSM	632,090	31.3%	5,084	6.5	1.9
DRC	307,810	29.8%	4,010	8.4	1.9
DPM	218,160	30.8%	7,410	6.0	1.7
VCB	189,110	12.5%	2,236	12.5	1.6
CTG	188,100	19.8%	2,340	8.0	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVC	183,500	14.6%	2,601	6.0	0.9
HDO	40,600	-1.3%	(147)	-	0.5
PGS	40,100	21.6%	4,445	4.0	0.8
PVS	14,800	18.6%	3,133	4.4	0.9
HMH	8,200	22.6%	4,120	3.6	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	103,357	40.4%	7,294	17.0	6.1
GAS	103,278	42.1%	6,141	8.9	3.3
MSN	76,975	8.5%	2,087	53.7	5.5
VCB	64,656	12.5%	2,236	12.5	1.6
VIC	59,410	18.4%	2,041	31.4	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,284	3.1%	424	38.4	1.2
SQC	8,778	9.1%	1,110	71.9	6.4
PVS	6,209	18.6%	3,133	4.4	0.9
SHB	6,025	22.0%	2,761	2.5	0.6
VCG	4,947	2.0%	291	38.5	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	2.05	20.1%	4,027	10.8	2.2
BVH	2.04	11.3%	1,981	26.0	2.9
OGC	1.99	2.5%	278	42.5	1.1
KBC	1.95	-12.5%	(1,768)	-	0.6
ITA	1.95	0.6%	70	95.2	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVA	3.27	-75.1%	(6,080)	-	0.9
VCG	3.16	2.0%	291	38.5	1.0
S96	3.13	-6.0%	(462)	-	0.4
SCR	3.09	4.0%	622	12.2	0.5
PXA	3.05	-48.1%	(4,075)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)